

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2018

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên.
2. Bà Hứa Thị Mây Sum.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Quảng Đại Phát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Từ Nữ Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Q, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Thôn Th, xã Ph, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Ngọc Th, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Thôn Th, xã Ph, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Q trình bày:

Chị và anh Lê Ngọc Th tự tìm hiểu lấy nhau vào năm 2010, đến ngày 07/4/2011 vợ chồng mới đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị có làm đơn đến Tòa án xin ly hôn với anh Th, sau đó vợ chồng tự thỏa thuận về lại với nhau nhưng anh Th không thay đổi tính tình. Nguyên nhân vợ chồng ly hôn nhau là do tính tình không hợp, không thống nhất về quan điểm sống, anh Th thường hay uống rượu về nhà chửi bới đánh đập chị và có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn với nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình xảy ra trầm trọng, mạnh ai nấy sống hơn 03 tháng nay nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Về con chung chị và anh

Th có 02 con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/9/2011 và Lê Thị Thục N, sinh ngày 29/12/2014 hiện các con đang ở với chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, vì anh Th không có trách nhiệm đối với con và chị tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị và anh Th tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lê Ngọc Th, nhưng anh Th vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình không đến Tòa án.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Chị Trần Thị Q khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Lê Ngọc Th và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Anh Lê Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[3]. *Nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Q và anh Lê Ngọc Th được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Ninh Thuận đúng theo quy định của pháp luật nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- *Về tình trạng hôn nhân:* Tại phiên tòa chị Trần Thị Q kiên quyết xin được ly hôn với anh Lê Ngọc Th do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và hiện nay không còn sống chung. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân, biên bản làm việc tại chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh Th, chị Q cư trú cho thấy: Vợ chồng anh Th,

chị Q sau khi lấy nhau về chung sống tương đối hạnh phúc, đến đầu năm 2018 mâu thuẫn gia đình xảy ra nên chị Q làm đơn đến Tòa án xin ly hôn với anh Th. Quá trình giải quyết, anh Th xin chị Q bỏ qua những lỗi lầm của mình và có nguyện vọng xin vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau để nuôi dạy con cái sau này. Chị Q thấy anh Th có thiện chí như vậy nên chị Q xin rút đơn ly hôn (Theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 06/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2018). Sau khi vợ chồng về chung sống với nhau, anh Th vẫn không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Th không có trách nhiệm với vợ con và hay uống rượu về nhà chửi bới, đánh đập chị Q dẫn đến mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được nên chị Q dắt các con về nhà cha, mẹ ruột của chị Q sinh sống. Hiện nay tình cảm giữa chị Q và anh Th không còn, mạnh ai người đó sống từ tháng 7/2018 cho đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã đến nhà anh Th để tổng đạt các thủ tục cho anh Th nhưng anh Th không có ở nhà nên Tòa án đã làm thủ tục niêm yết tại nhà anh Th, UBND xã nơi anh Th cư trú và Tòa án. Qua xác minh cho thấy anh Th hiện nay có mặt tại địa phương, vẫn đang sinh sống một mình ở nhà, hàng ngày vẫn đi làm thuê từ sáng cho đến chiều. Anh Th biết chị Q có đơn đến Tòa án xin ly hôn anh Th, nhưng anh Th không tới Tòa án để giải quyết và anh Th cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Q. Như vậy, Tòa án đã thực hiện đúng thủ tục tổng đạt cho anh Th, nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt. Điều này thể hiện anh Th không có thiện chí đoàn tụ gia đình, không tha thiết bảo vệ hạnh phúc gia đình. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh Th mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn và nuôi con của chị Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung*: Chị Q và anh Th có 02 con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/9/2011 và Lê Thị Thục N, sinh ngày 29/12/2014. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay, chị Q là người đang trực tiếp nuôi con và nguyện vọng của con (Cháu Lê Thị Kim T) là xin được ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và tương lai sau này cho con và cần có mẹ để chăm sóc nên Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho chị Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Q không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Q và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về án phí*: Chị Q tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 thì chị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Q và anh Lê Ngọc Th.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Kim T, sinh ngày 18/9/2011 và Lê Thị Thục N, sinh ngày 29/12/2014 cho chị Trần Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Ngọc Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016324 ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 26/11/2018). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Tiến